

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬNCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88/2024/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2386/TTr-SCT ngày 21/10/2024 và Công văn số 2385/SCT-TMCN ngày 21 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Thuận:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Đơn vị thực hiện đề án là các tổ chức, cá nhân, hoặc cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ khuyến công, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 3 như sau:

“1. Căn cứ quy hoạch Tỉnh, định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn và nội dung hỗ trợ về khuyến công, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Ủy ban

nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt Ủy ban nhân dân cấp huyện) xây dựng chương trình khuyến công địa phương theo giai đoạn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm

1. Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Công Thương và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện; Phòng Kinh tế thành phố căn cứ nhu cầu hỗ trợ theo nội dung hoạt động khuyến công của doanh nghiệp, cơ sở tại địa bàn huyện, thành phố lựa chọn và lập danh mục đăng ký hỗ trợ năm sau gửi về Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tổng hợp kế hoạch khuyến công của tỉnh.

2. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tổng hợp danh mục đăng ký hỗ trợ, hồ sơ đề án của Ủy ban nhân dân cấp huyện và nhiệm vụ, các đề án của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch để tổng hợp vào dự toán gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành.

3. Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn đã được phê duyệt và văn bản hướng dẫn của các cơ quan có liên quan, Sở Công Thương thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch trình, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương.

Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm sau khi được phê duyệt.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 5 như sau:

“2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định; phù hợp với Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 6 như sau:

“3. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Quy trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch và đề án khuyến công

1. Thẩm tra và tổng hợp cấp cơ sở:

a) Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất danh mục đề án, tổ chức kiểm tra thực tế tại các cơ sở công nghiệp nông thôn đăng ký thực hiện đề án khuyến công. Trên cơ sở chương trình khuyến công và nguồn ngân sách bố trí hàng năm để đánh giá, lựa chọn hướng dẫn lập đề án khuyến công (tùy theo quy mô, tính chất để đề nghị khuyến công quốc gia hoặc khuyến công địa phương).

Đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn không đủ điều kiện hỗ trợ do không phù hợp với quy định này và thiếu hồ sơ tài liệu kèm theo, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch trả lời bằng văn bản chuyên Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi thông báo cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đăng ký thực hiện đề án khuyến công.

Các cơ sở công nghiệp nông thôn lập các đề án khuyến công địa phương theo nội dung quy định tại Điều 6, Chương II của Quy định này kèm Đơn đề nghị (mẫu Đơn đề nghị và mẫu một số đề án đăng ký khuyến công hướng dẫn tại Phụ lục số 02 kèm theo Quy định này) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi triển khai thực hiện đề án.

Tùy theo nội dung hỗ trợ, một số đề án khuyến công phải kèm theo các tài liệu như quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quy định này. Đối với các đề án lập theo nhóm không yêu cầu xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, nhưng cần cụ thể khi xây dựng kế hoạch triển khai.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm tra các đề án và tổng hợp theo biểu mẫu (nội dung biểu mẫu bao gồm các cột: số thứ tự, tên đề án, đơn vị thực hiện, mục tiêu và nội dung chính, dự kiến kết quả đạt được, thời gian bắt đầu - kết thúc, tổng kinh phí thực hiện; trong đó: kinh phí khuyến công địa phương, kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng, nguồn kinh phí khác (nếu có)), gửi Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tổng hợp đánh giá cụ thể từng đề án khuyến công và gửi Sở Công Thương để thẩm định.

2. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh:

a) Sở Công Thương chủ trì tổ chức thẩm định cấp cơ sở thông qua bộ máy giúp việc hoặc Tổ thẩm định do Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập. Trong quá trình thẩm định, Sở Công Thương có trách nhiệm gửi Sở Tài chính lấy ý kiến đối với dự toán kinh phí thực hiện đề án khuyến công địa phương. Trên cơ sở kết quả thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công và ý kiến của Sở Tài chính về dự toán kinh phí, Sở Công Thương tổng hợp thành kế hoạch khuyến công địa phương trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Sau khi có Quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương, Sở Công Thương triển khai đến Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung kế hoạch đã được phê duyệt; Kiểm tra định kỳ, đột xuất; Giám sát đánh giá tình hình thực hiện, mục tiêu của các đề án đảm bảo việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Đề án khuyến công trình thẩm định:

a) Đăng ký đề thẩm tra tại Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Các cơ sở công nghiệp nông thôn gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm 06 bộ hồ sơ, cụ thể:

- Đơn đề nghị của cơ sở công nghiệp nông thôn được quy định tại Phụ lục số 02 quy định này; Ngoài ra, kèm theo Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ liên quan như: giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, bản tự công bố sản phẩm (đối với sản phẩm thực phẩm); Quyết định đầu tư, Báo cáo tài chính, Thông báo đóng bảo hiểm (nếu có) (*đối với cơ sở công nghiệp nông thôn*); Báo giá máy móc, thiết bị và các giấy tờ khác có liên quan tùy theo từng Đề án cụ thể.

- Các đề án khuyến công được lập theo các quy định tại Điều 6 và Phụ lục số 02 Quy định này (kèm theo các tài liệu quy định tại Phụ lục số 01 Quy định này);

Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm tra, xác nhận và gửi về Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch 05 bộ hồ sơ bao gồm các hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Thẩm định tại Sở Công Thương:

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch gửi 03 bộ hồ sơ Đề án hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương (đối với các năm tiếp theo năm đầu kế hoạch của đề án điểm) về Sở Công Thương để thẩm định, cụ thể thành phần hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- + Tờ trình của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch.
- + Biểu tổng hợp Danh mục các đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh.
- + Các đề án khuyến công trong biểu tổng hợp (kèm theo các tài liệu quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quy định này).

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương:

- Tờ trình của Sở Công Thương đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương.

- Dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương, kèm biểu tổng hợp kế hoạch kinh phí khuyến công.

- Phiếu thẩm định Đề án khuyến công địa phương (Phụ lục số 02 kèm theo Quy định này).”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thời gian lập kế hoạch, thẩm định và triển khai thực hiện

1. Các cơ sở công nghiệp nông thôn có nhu cầu hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 30 tháng 5 hàng năm. Sau khi đủ điều kiện xây dựng đề án, các cơ sở công nghiệp nông thôn nộp hồ sơ đăng ký được quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 8 Quy định này về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đăng ký danh mục, kế hoạch khuyến công trên địa bàn kèm hồ sơ đăng ký của các cơ sở công nghiệp nông thôn theo khoản 1 điều này về Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch để tổng hợp trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.

3. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh xem xét danh mục đăng ký hỗ trợ, hồ sơ Đề án khuyến công, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 6 hàng năm để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân dự thảo Dự toán ngân sách địa phương năm sau.

4. Căn cứ dự toán kinh phí khuyến công được giao đầu năm, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tiến hành rà soát, đánh giá cụ thể từng đề án khuyến công, xét chọn cân đối trong phạm vi kinh phí được giao, gửi Sở Công Thương thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương.

5. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch khuyến công địa phương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tổ chức ký hợp đồng khuyến công với cơ sở công nghiệp nông thôn thụ hưởng được phê duyệt kinh phí. Đồng thời, phối hợp hướng dẫn với cơ sở công nghiệp nông thôn thụ hưởng triển khai thực hiện các nội dung đã đăng ký trong đề án và hợp đồng”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công địa phương, cơ sở công nghiệp nông thôn có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện đề án khuyến công; đồng thời, gửi Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch trước ngày 30 tháng 9 của năm thực hiện kế hoạch khuyến công; trong đó, nêu rõ lý do cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch xem xét nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công địa phương do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, báo cáo Sở Công Thương xem xét”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 15 như sau:

“a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

Việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí theo quy định này áp dụng đối với các đơn vị phối hợp/cơ sở công nghiệp nông thôn thụ hưởng thực hiện đề án, nhiệm vụ của một số nội dung hoạt động khuyến công địa phương (bên B)

thông qua hợp đồng ký với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch theo kế hoạch khuyến công địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

Các đơn vị phối hợp/cơ sở công nghiệp nông thôn thụ hưởng thực hiện đề án, nhiệm vụ phải hoàn trả Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch để nộp ngân sách Nhà nước đối với phần kinh phí đã nhận nhưng không có khối lượng thanh toán, những khoản kinh phí đã sử dụng nhưng không được quyết toán theo đúng chế độ quy định.”

10. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 16 như sau:

“Điều 16. Tạm ứng kinh phí không quá 70% tổng kinh phí khuyến công hỗ trợ trên cơ sở hợp đồng thực hiện”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Thay đổi tỷ lệ, hồ sơ tạm ứng và các đề án, nhiệm vụ khác

1. Trường hợp khi thực hiện đề án phải thay đổi tỷ lệ tạm ứng khác với quy định tại các Điều 16, Điều 17, Điều 18 của Quy định này để hoàn thành đề án được giao, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch xem xét, quyết định tỷ lệ, hồ sơ tạm ứng nhưng không trái với các quy định tài chính hiện hành.

2. Các đề án, nhiệm vụ khác chưa quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 của Quy định này do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch quyết định tỷ lệ và hồ sơ tạm ứng phù hợp với các quy định hiện hành.”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 21 như sau:

“3. Trường hợp đơn vị thực hiện Đề án lập hồ sơ quyết toán không đảm bảo thời hạn quyết toán nêu tại khoản 2 Điều này, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch căn cứ vào Biên bản nghiệm thu cơ sở (Mẫu số 02-Phụ lục số 04 kèm theo Quy định này) để thanh toán với Kho bạc Nhà nước số kinh phí đã tạm ứng”.

13. Bổ sung Điều 26a sau điều 26 như sau:

“Điều 26a. Trách nhiệm của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch.

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện theo quy định, tổng hợp danh mục đăng ký hỗ trợ, hồ sơ đề án của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đề án của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch gửi Sở Công Thương xem xét, thẩm định.

2. Tổ chức thực hiện và phối hợp nghiệm thu đề án, kế hoạch khuyến công theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

3. Thực hiện các thủ tục tạm ứng, thanh lý hợp đồng, quyết toán kinh phí khuyến công, chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định của pháp luật. Đảm bảo và chịu trách nhiệm

về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá trình lập hồ sơ đề án và tổ chức thực hiện đề án.

4. Tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện hàng tháng (gửi Sở Công Thương trước ngày 25 hàng tháng), báo cáo quý, 6 tháng, tổng kết năm, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan”.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, khoản, điểm, điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Thuận:

1. Thay thế cụm từ “Trung tâm Khuyến công”, “Trung tâm” và “Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại” bằng cụm từ “Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch” tại khoản 2 Điều 21; khoản 1, khoản 2 Điều 22; khoản 5 Điều 23; điểm c, điểm d khoản 4 Điều 27 Quy định này; Mẫu số 02, Mẫu số 05 của Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND.

2. Thay thế cụm từ “đơn vị thực hiện đề án” bằng cụm từ “Đơn vị thụ hưởng đề án” tại khoản 3, khoản 4 Điều 21; khoản 1 Điều 22 Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND.

3. Thay thế cụm từ “**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN**” bằng cụm từ “**CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**” tại mẫu Đơn đề nghị, Mẫu bì đề án khuyến công địa phương, Mẫu một số đề án đăng ký khuyến công, phụ lục 02; Mẫu số 03 của Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND.

4. Thay thế ký hiệu “HĐ-TTKC” bằng ký hiệu “HĐ-TTXT” tại Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 05, Mẫu số 06a, Mẫu số 06b của Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND.

5. Thay thế cụm từ “Mẫu số 3b” bằng cụm từ “Mẫu số 3” tại khoản 1 Điều 18 Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND.

6. Thay thế cụm từ “Xác nhận Ủy ban nhân dân huyện” bằng cụm từ “Xác nhận Ủy ban nhân dân huyện/xã” tại Mẫu số 03 của Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND.

7. Thay thế Mẫu số 02 của Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND bằng Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này.

8. Bãi bỏ Điều 17, điểm c khoản 2 Điều 18, khoản 4 Điều 23, Mẫu số 01, Mẫu số 04 của Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 11 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng

các Ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện Quyết định này trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để được hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Minh Hoàng

Mẫu số 01**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN NGHIỆM THU CƠ SỞ****ĐỀ ÁN:**

Căn cứ Hợp đồng số/HĐ-TTXXT ngày tháng năm về việc triển khai thực hiện Đề án khuyến công địa phương giữa Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch và

Hôm nay, ngày tháng năm tại (địa điểm thực hiện Đề án).

Chúng tôi gồm có:

I. Sở Công Thương Ninh Thuận.

1. Ông (Bà):; - Chức vụ:

2. Ông (Bà):; - Chức vụ:

II. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Ninh Thuận.

1. Ông (Bà):; - Chức vụ:

2. Ông (Bà):; - Chức vụ:

III. UBND Huyện/xã nơi thực hiện Đề án

Ông (Bà): - Chức vụ:

IV. Đơn vị ký hợp đồng.

Ông (Bà):; - Chức vụ:

Sau khi kiểm tra thực tế tại đơn vị thụ hưởng triển khai Đề án khuyến công địa phương, chúng tôi thống nhất nghiệm thu kết quả và hiệu quả thực hiện Đề án như sau:

1. Thời gian thực hiện đề án (Theo thực tế triển khai):

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện đề án:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo yêu cầu của hợp đồng	Kết quả thực hiện

3. Đánh giá nhận xét: (Đánh giá tiến độ thực hiện; Kết quả, hiệu quả so với nội dung hợp đồng đã ký; những tồn tại, lý do và kiến nghị)

.....

Biên bản nghiệm thu cơ sở được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch giữ 03 (ba) bản./.

**SỞ CÔNG THƯƠNG NINH THUẬN TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ,
THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/XÃ

ĐƠN VỊ KÝ HỢP ĐỒNG